

**QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN
PHẨM DỆT MAY THEO QCVN 01:2017/BCT**

Mã số: **ECS-QT-15**

Lần ban hành: **03**

Ngày ban hành: **10/01/2022**

	CÔNG TY CỔ PHẦN ECOSIN		
	E.mail: ecosin26@gmail.com		
	QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẮN PHẨM DỆT MAY THEO QCVN 01:2017/BCT	ECS-QT-15	Hiệu chỉnh: 02
		Ngày ban hành: 10/01/2022	

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU

Lần sửa đổi/Ngày	Tóm lược hiệu chỉnh
07/2021	Bổ sung cách thức chuyển mẫu tới phòng thử nghiệm; bổ sung quy định về đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận; thay đổi người phê duyệt.
01/2022	Thay đổi người phê duyệt

	Duyệt	Kiểm tra	Soạn
Ký tên			
Họ và tên	Nguyễn Cung Ngọc	Nghiêm Quốc Hùng	Nguyễn Thị Hương Giang

1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

ISO/IEC 17065:2012;

Thông tư 48/2011/TT-BCT ngày 30/12/2011 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học công nghệ về việc ban hành Quy định “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, hợp quy”;

Thông tư 21/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may;

Thông tư 07/2018/T-BCT ngày 26/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi Thông tư 21/2017/TT-BCT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

Thông tư số 20/2018/TT-BCT ngày 15/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi Phụ lục I “Danh mục sản phẩm dệt may chịu sự điều chỉnh của Quy chuẩn” ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN:01/2017/BCT tại Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Quy trình đánh giá chứng nhận sản phẩm: ECS-QT-09;

Quy trình đánh giá chứng nhận hệ thống: ECS-QT-08;

Sổ tay chất lượng: ECS-STCL.

2. PHẠM VI, MỤC ĐÍCH

Tài liệu này quy định các bước phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17065:2012 trong quá trình đánh giá, chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may trước khi đưa ra thị trường Việt Nam.

3. THUẬT NGỮ ĐỊNH NGHĨA

Chứng nhận hợp quy là sự xác nhận chính thức rằng sản phẩm của doanh nghiệp thoả mãn các yêu cầu của chuẩn mực được chấp nhận và doanh nghiệp đã duy trì một hệ thống bảo đảm chất lượng có hiệu lực, bảo đảm được tính ổn định về chất lượng của sản phẩm được chứng nhận.

Đưa ra thị trường Việt Nam: là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm dệt may thực hiện hành vi mua bán, trao đổi, tiếp thị với tổ chức, cá nhân khác.

Vật liệu dệt: là các loại xơ, sợi tự nhiên hoặc nhân tạo.

Sản phẩm dệt may: là sản phẩm có nguồn gốc từ vật liệu dệt đã qua các công đoạn gia công (sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải không dệt, vải tráng phủ, vải giả da tổng hợp, các sản phẩm sản xuất từ sản phẩm nêu trên tùy thuộc vào mục đích sử dụng) hoặc là sản phẩm dệt may có cùng nguyên liệu, kiểu dệt, quy trình xử lý hoàn tất và được sản xuất tại cùng một cơ sở.

Lô hàng hóa đăng ký công bố hợp quy: là tập hợp các mặt hàng dệt may đăng ký công bố hợp quy trong cùng một đợt.

Phân nhóm sản phẩm dệt may: Sản phẩm dệt may chia thành 03 nhóm:

- a) Nhóm số 01: Sản phẩm dệt may cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi; hoặc có chiều dài ≤ 100 cm đối với bộ liền.
- b) Nhóm số 02: Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da: là sản phẩm khi sử dụng có bề mặt sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với da của người sử dụng.
- c) Nhóm số 03: Sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da: là sản phẩm khi sử dụng có bề mặt sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với da của người sử dụng.

4. NỘI DUNG

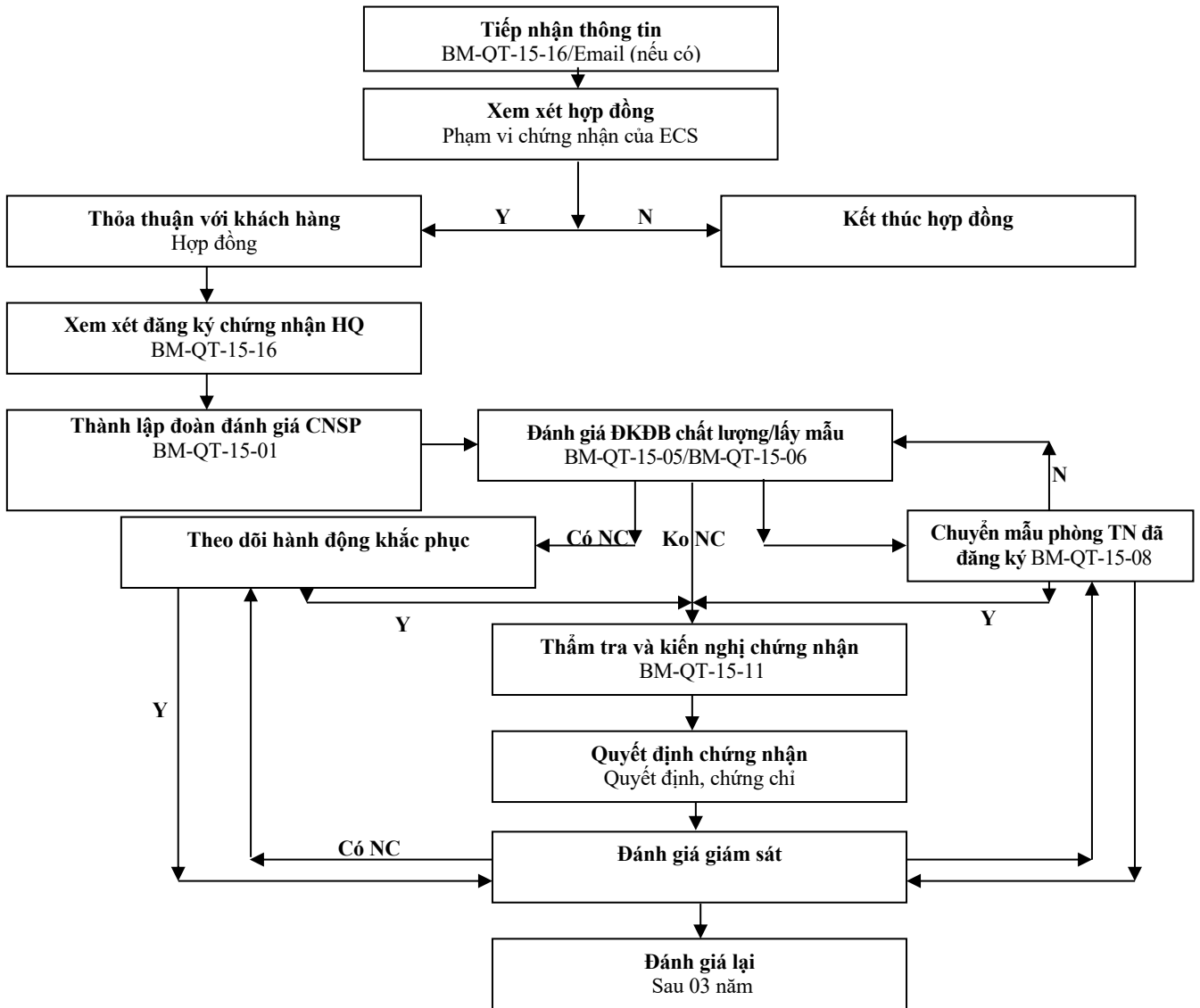
4.1 Phương thức chứng nhận

Phương thức 5: thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;

Phương thức 7: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa.

CĂN CỨ CHỨNG NHẬN: QCVN 01:2017/BCT

4.2 Lưu đồ chứng nhận hợp quy theo phương thức 5:



4.3 Diễn giải lưu đồ

4.3.1 Tiếp nhận thông tin

Khi nhận được yêu cầu chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may, nhân viên kinh doanh tiến hành trao đổi với khách hàng để cung cấp thông tin trong phiếu đề nghị chứng nhận (BM-QT-15-16) hoặc đề nghị khách hàng điền thông tin vào biểu mẫu trên và cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu nêu trong BM-QT-15-16.

4.3.2 Xem xét hợp đồng

Sau khi nhận được chính xác các thông tin ban đầu, Phòng Chứng nhận có trách nhiệm:

- Xem xét sản phẩm đề nghị chứng nhận có phải là sản phẩm dệt may được quản lý theo QCVN 01:2017/BCT hay không? Nếu đúng là sản phẩm cần phải hợp quy thì tiến hành bước 3;

- Nếu sản phẩm không nằm trong quy định của QCVN 01:2017/BCT thì thỏa thuận hợp đồng sẽ được kết thúc.

- Kết quả xem xét thỏa thuận hợp đồng được ghi nhận trong BM-QT-06-03.

4.3.3 Thỏa thuận với khách hàng

Hoạt động thỏa thuận với khách hàng bao gồm phí chứng nhận, thời gian thực hiện, địa điểm thực hiện hoạt động đánh giá.

4.3.4 Hoàn thiện đăng ký chứng nhận hợp quy

Trưởng Phòng Chứng nhận xem xét lại đăng ký chứng nhận hợp quy để khẳng định:

- ECS đủ năng lực cung cấp dịch vụ cho khách hàng và đáp ứng được yêu cầu về thời gian của khách hàng;
- Phương thức đánh giá chứng nhận: Chứng nhận hợp quy cho sản phẩm sản xuất trong nước là theo phương thức 5.
- Khách hàng đã đủ điều kiện và sẵn sàng cho đánh giá chứng nhận hay chưa?

4.3.5 Thành lập đoàn đánh giá

Phòng Chứng nhận lập chương trình đánh giá và kiến nghị Giám đốc hoặc Người được ủy quyền quyết định thành lập đoàn đánh giá chứng nhận hợp quy theo BM-QT-15-01;

Căn cứ vào quyết định thành lập đoàn đánh giá chứng nhận sản phẩm theo BM-QT-15-01, Phòng chứng nhận tổng hợp thông tin khách hàng gửi trưởng đoàn đánh giá đề lên Kế hoạch đánh giá BM-QT-15-02 không quá 03 ngày kể từ lúc có đầy đủ thông tin. Phòng chứng nhận thông báo kế hoạch đánh giá tới khách hàng cùng với biểu mẫu “Xác nhận kế hoạch đánh giá” để phản hồi lại cho ECS. Căn cứ vào ý kiến phản hồi của khách hàng, phòng chứng nhận có thể điều chỉnh hay không điều chỉnh nội dung kế hoạch đánh giá. Sau đó cập nhật lịch đánh giá để các bộ phận liên quan phối hợp thực hiện và theo dõi dự án.

4.3.6 Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng và lấy mẫu thử nghiệm

Hoạt động đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng được thực hiện bao gồm 3 nội dung:

- Hợp khai mạc để ghi nhận số lượng cán bộ và các bộ phận tham gia hoạt động đánh giá. Đoàn đánh giá lập danh sách tham dự các cuộc họp theo BM-QT-15-03.
- Tham quan toàn bộ khu vực sản xuất để xem xét tổng thể về quy mô và khả năng kiểm soát chất lượng của đơn vị sản xuất.
- Đánh giá quá trình sản xuất dựa trên hoạt động: Phỏng vấn, quan sát và truy xuất hồ sơ.

Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá điều kiện sản xuất của khách hàng nhằm khẳng định sản phẩm được sản xuất ổn định và kiểm soát được mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo, sau đó mới tiến hành lấy mẫu điển hình theo BM-QT-15-06. Chuyên gia đánh giá sử dụng phiếu ghi chép đánh giá (BM-QT-15-04) hoặc Checklist đánh giá hợp quy sản phẩm dệt may để ghi nhận các thông tin thu lượm được trong cuộc đánh giá (BM-QT-15-19), tiến hành kiểm tra thử nghiệm một số chỉ tiêu cảm quan về chất lượng sản phẩm, lập biên bản lấy mẫu (BM-QT-15-06), bàn giao mẫu lưu cho khách hàng (BM-QT-15-07) và lập báo cáo đánh giá chứng nhận sản phẩm dệt may (BM-QT-15-09), các phát hiện trong cuộc đánh giá được ghi nhận vào báo cáo không phù hợp (BM-QT-15-05);

Đánh giá chứng nhận sản phẩm bao gồm ba nội dung:

- Đánh giá nội dung công bố tiêu chuẩn áp dụng của khách hàng;
- Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng;
- Kiểm tra cảm quan về sản phẩm và lấy mẫu cho thử nghiệm tại phòng thí nghiệm.

4.3.6.1 Đánh giá nội dung công bố tiêu chuẩn của khách hàng

Chuyên gia đánh giá kiểm tra nội dung tiêu chuẩn cơ sở của khách hàng (tham khảo Thông tư 21/2007/TT-BKHCN). Nội dung tiêu chuẩn cơ sở tối thiểu cần:

- Mục lục (không nhất thiết);
- Phần thông tin mở đầu – Phạm vi áp dụng;
- Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm
- Nội dung ghi nhãn: Căn cứ ghi nhãn sản phẩm là nghị định 43/2017/NĐ-CP và thông tư số 21/2017/TT-BCT.

Sau khi đánh giá, chuyên gia đánh giá phải thu 01 bản tiêu chuẩn cơ sở chính thức chuyển Phòng Chứng nhận làm căn cứ chứng nhận.

4.3.6.2 Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng (quá trình sản xuất)

Căn cứ đánh giá QCVN 01:2017/BCT, thông tư số 28/2012/TT-BKH&CN.

Việc đánh giá quá trình sản xuất phải xem xét đầy đủ tới các điều kiện kiểm soát của nhà sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm nhằm đảm bảo duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, hàng hoá và kiểm soát được mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo. Các điều kiện kiểm soát bao gồm:

- Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);

- Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm:

- + Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm; Lưu ý đến việc kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào cho sản xuất;
- + Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;
- + Kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật.
- + Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác (ví dụ: Phương án phòng cháy chữa cháy, hồ sơ quan trắc môi trường, tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho công nhân...).

Trường hợp nhà sản xuất đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc ISO 14001 đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm dệt may, không cần phải đánh giá toàn bộ quá trình sản xuất. Chuyên gia đánh giá chỉ cần kiểm tra lại các thông tin để kiểm chứng việc vận hành hệ thống quản lý chất lượng của khách hàng. Đồng thời photo chứng chỉ ISO 9001, ISO 14001 của khách hàng làm bằng chứng.

Bất kể sự không đáp ứng một yêu cầu nào nêu trên đều được coi là điểm không phù hợp và cần được ghi nhận trong báo cáo. Chuyên gia đánh giá chỉ chấp nhận kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng khi toàn bộ các điểm phát hiện trong quá trình đánh giá được kiểm soát và khắc phục có hiệu lực.

Sau cuộc đánh giá, nhân viên Phòng Chứng nhận có trách nhiệm liên hệ khách hàng để hoàn thiện các hành động khắc phục (nếu có) và liên hệ với phòng thử nghiệm bên ngoài, phòng thử nghiệm của công ty để lấy kết quả thử nghiệm theo phiếu hẹn.

4.3.6.3 Hướng dẫn khách hàng công bố sự phù hợp

Chuyên gia đánh giá có trách nhiệm thông báo với khách hàng chỉ được phép sử dụng dấu hợp quy sau khi khách hàng hoàn thành thủ tục công bố hợp quy với cơ quan quản lý nhà nước (Sở Công thương). Đồng thời chuyên gia đánh giá hướng dẫn khách hàng thực hiện hoạt động công bố hợp quy theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.3.6.4 Kiểm tra cảm quan và lấy mẫu

Người lấy mẫu có trách nhiệm kiểm tra các chỉ tiêu cảm quan về chất lượng sản phẩm bao gồm: Màu sắc, hình dạng, khuyết tật và ghi nhận kết quả trong báo cáo đánh giá chứng nhận. Người lấy mẫu lập biên bản lấy mẫu theo BM-QT-15-06, biên bản bàn giao mẫu lưu cho khách hàng theo BM-QT-15-07 và lập báo cáo đánh giá chứng nhận sản phẩm dệt may theo BM-QT-15-09. Hoạt động lấy mẫu được thực hiện theo ECS-SP-13-01 Quy định riêng sản phẩm dệt may.

4.3.7 Chuyển mẫu phòng thử nghiệm

Mẫu sau khi được lấy, trong thời gian tối đa không quá 07 ngày làm việc phải được chuyển về Phòng Chứng nhận để mã hoá mẫu sau đó nhân viên Phòng Chứng nhận có trách nhiệm chuyển mẫu đến Phòng thí nghiệm được lựa chọn. Phòng Chứng nhận lập 02 biên bản bàn giao mẫu (nêu rõ các chỉ tiêu cần thử nghiệm và phương pháp thử được quy định trong QCVN 01:2017/BCT), trong đó 01 biên bản chuyển cho Phòng thí nghiệm cùng với mẫu (còn niêm phong), 01 biên bản lưu hồ sơ chứng nhận.

Phòng thí nghiệm được lựa chọn phải là Phòng thí nghiệm sản phẩm dệt may đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo nghị định 107/2016/NĐ-CP.

Nhân viên Phòng Chứng nhận có trách nhiệm theo dõi tiến độ trả kết quả thử nghiệm của Phòng thử nghiệm được chỉ định và thông báo với trưởng đoàn đánh giá để hoàn thiện biểu mẫu báo cáo kết quả thử nghiệm BM-QT-15-10.

Trường hợp kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu, Phòng Chứng nhận cần mở phiếu báo cáo không phù hợp BM-QT-15-05, yêu cầu khách hàng khắc phục trước khi thông báo cho ECS để bố trí lấy mẫu lần 2, thời gian khắc phục tối đa 2 tháng kể từ ngày đánh giá. Trưởng đoàn đánh giá có thể xem xét hành động khắc phục của khách hàng bằng hồ sơ hoặc đánh giá tại doanh nghiệp trước khi hoạt động lấy mẫu lần 2 được thực hiện. Lấy mẫu lần 2 được thực hiện như lấy mẫu lần 1 và tiến hành thử nghiệm toàn bộ các chỉ tiêu theo quy định trong ECS-SP-13-01. Nếu mẫu lần 2 thử nghiệm không đạt yêu cầu, Phòng chứng nhận cần thông báo kết luận về sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hoá so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp khắc phục toàn bộ các điểm không phù hợp của sản phẩm hàng hóa, sau tối thiểu 3 tháng kể từ ngày Ecosin thông báo kết luận về sự không phù hợp của sản phẩm hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khách hàng mới có thể đăng ký chứng nhận lại sản phẩm. Ecosin tiếp nhận đăng ký chứng nhận mới và triển khai công việc các bước thực hiện bắt đầu từ bước 3.

4.3.8 Theo dõi hành động khắc phục

Nếu kết quả đánh giá phát hiện điểm không phù hợp cần khắc phục, hồ sơ đánh giá được chuyển về nghiệp vụ theo dõi cho đến khi điểm không phù hợp đã phát hiện được khắc phục thỏa đáng.

4.3.9 Kiến nghị chứng nhận

Nhân viên Phòng Chứng nhận thụ lý hồ sơ có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ đánh giá cho bộ phận thẩm xét để thực hiện việc thẩm xét, đồng thời dự thảo chứng chỉ và quyết định chứng nhận gửi cho khách hàng, nội dung thẩm xét bao gồm:

- Thẩm xét kết quả đánh giá hợp quy;
- Kết luận về sự phù hợp (Điều kiện cấp giấy chứng nhận hợp quy)

4.3.9.1 Thẩm xét kết quả đánh giá hợp quy

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hoá qua kết quả thử nghiệm mẫu so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Xem xét sự phù hợp của quá trình sản xuất so với yêu cầu quy định của phương thức 5.

4.3.9.2 Kết luận về sự phù hợp (Điều kiện cấp giấy chứng nhận hợp quy)

Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm, hàng hoá được xem là phù hợp nếu đảm bảo đủ 2 điều kiện sau:

- Tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- Kết quả đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với yêu cầu.

Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá (giấy chứng nhận hợp quy) có giá trị hiệu lực tối đa 03 năm với điều kiện sản phẩm, hàng hoá được đánh giá giám sát.

Sau khi thẩm tra kết quả chứng nhận đạt yêu cầu, cán bộ thẩm xét hồ sơ lập kiến nghị chứng nhận BM-QT-15-11 trình Giám đốc hoặc Người được ủy quyền xem xét quyết định (đối với đánh giá chứng nhận) và lập kiến nghị duy trì hoặc đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận (đối với đánh giá giám sát) trình Giám đốc hoặc Người được ủy quyền quyết định.

4.3.10 Quyết định chứng nhận

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm xét hồ sơ đánh giá BM-QT-15-11, Giám đốc hoặc Người được ủy quyền sẽ ra quyết định chứng nhận theo BM-QT-15-12.

4.3.11 Đánh giá giám sát

Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ hợp quy sản phẩm, hàng hoá phải được đánh giá giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/1 lần.

Chu kỳ đánh giá giám sát được thể hiện trong chương trình đánh giá. Trước thời điểm đánh giá giám sát ít nhất 01 tháng, Phòng Chứng nhận lập thông báo tới khách

hàng để xác định thời điểm đánh giá giám sát thích hợp. Phòng Chứng nhận kiến nghị Giám đốc hoặc Người được ủy quyền thành lập đoàn đánh giá giám sát. Đoàn đánh giá giám sát tiến hành đánh giá giám sát điều kiện đảm bảo chất lượng của khách hàng, lấy mẫu và tiến hành các bước như đánh giá chứng nhận. Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ giấy chứng nhận hợp quy.

Trường hợp khách hàng yêu cầu bổ sung phạm vi chứng nhận, hoạt động đánh giá chứng nhận được thực hiện như 01 cuộc đánh giá giám sát.

4.3.12 Đánh giá lại

Sau thời gian chứng chỉ có hiệu lực 03 năm. Nếu khách hàng có nhu cầu duy trì chứng chỉ thì ECS tiến hành đánh giá lại. Các bước được thực hiện từ bước 03.

4.4 Đình chỉ và hủy bỏ kết quả chứng nhận

Đình chỉ hiệu lực chứng nhận là việc ECS ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc sử dụng dấu hiệu chứng nhận phù hợp của khách hàng được chứng nhận.

Thu hồi chứng chỉ chứng nhận là việc ECS ra quyết định thu hồi dấu hiệu chứng nhận phù đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận;

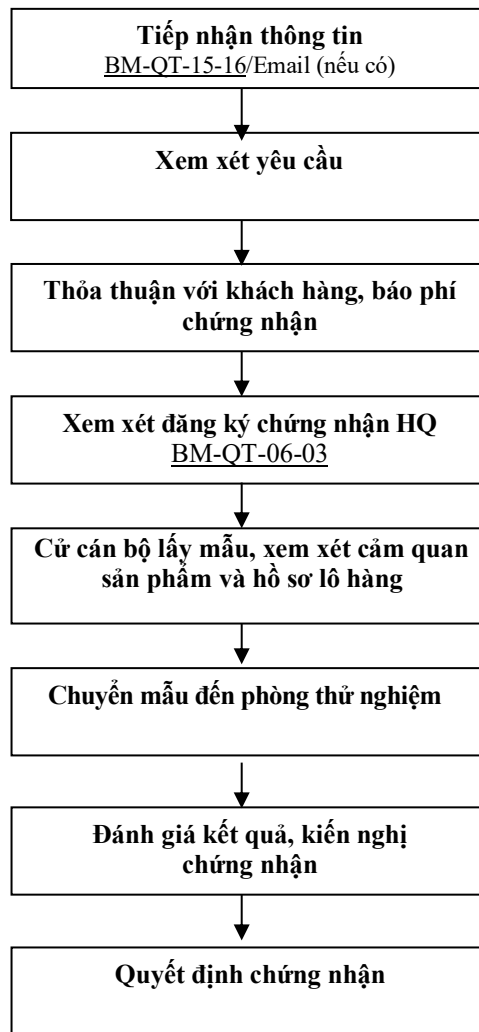
Tùy mức độ, ECS xem xét đình chỉ sử dụng hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đã cấp theo quy định chung về chứng nhận sản phẩm ECS-QD-02.

Trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ, nếu khách hàng vi phạm các quy định trên thì hiệu lực chứng nhận có thể bị đình chỉ trong thời gian 03 tháng cho đến khi ECS nhận được các hành động khắc phục phù hợp. Nếu trong thời gian 03 tháng, khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp thì giấy chứng nhận sẽ bị thu hồi.

Khi có yêu cầu khách hàng liên quan đến việc chấm dứt chứng nhận, thu hẹp phạm vi, ECS sẽ tiến hành xem xét và thực hiện việc thu hồi chứng nhận (đối với yêu cầu chấm dứt chứng nhận); Xem xét các thủ tục và ra quyết định điều chỉnh thu hẹp phạm vi đối với yêu cầu thu hẹp phạm vi chứng nhận. Phạm vi chứng nhận bị thu hẹp được truyền đạt rõ ràng đến khách hàng; quy định rõ ràng trong tài liệu chứng nhận và thông tin công khai.

Việc đình chỉ, thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và các thông tin liên quan sẽ được ECS thông báo lên website: <https://ecscert.vn/>.

4.5 Lưu đồ chứng nhận hợp quy theo phương thức 7



4.6 Diễn giải lưu đồ

4.6.1 Tiếp nhận thông tin

Khi nhận được yêu cầu chứng nhận sản phẩm của khách hàng (tham khảo ECS-QT-06), nhân viên kinh doanh tiến hành trao đổi với khách hàng để cung cấp thông tin trong phiếu đề nghị chứng nhận BM-QT-15-16 hoặc đề nghị khách hàng điền thông tin vào biểu mẫu trên và cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu nêu trong BM-QT-15-16.

4.6.2 Xem xét yêu cầu

Sau khi nhận được chính xác các thông tin ban đầu, nhân viên Phòng Chứng nhận có trách nhiệm:

- Xem xét sản phẩm đề nghị chứng nhận có phải là sản phẩm dệt may được quản lý theo QCVN 01:2017/BCT hay không? Nếu đúng là sản phẩm cần phải hợp quy thì tiến hành thỏa thuận với khách hàng;

- Nếu sản phẩm không nằm trong quy định của QCVN 01:2017/BCT thì thỏa thuận hợp đồng sẽ được kết thúc.

4.6.3 Thỏa thuận với khách hàng

Hoạt động thỏa thuận với khách hàng bao gồm địa điểm lấy mẫu (ở cảng hay kho của khách hàng), thời gian hàng về cảng/kho, thời gian lấy mẫu, xem xét cảm quan sản phẩm và hồ sơ lô hàng, ...

4.6.4 Hoàn thiện đăng ký chứng nhận sản phẩm

Trưởng Phòng Chứng nhận xem xét lại đăng ký chứng nhận sản phẩm để khẳng định:

- ECS đủ năng lực cung cấp dịch vụ cho khách hàng;
- Lựa chọn người lấy mẫu. Lưu ý, lấy mẫu chứng nhận lô hàng là lấy mẫu đại diện.

4.6.5 Lựa chọn người lấy mẫu

Phòng Chứng nhận kiến nghị Giám đốc hoặc Người được ủy quyền phân công người lấy mẫu sản phẩm dệt may.

Mẫu thử nghiệm là mẫu được lấy theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng.

Mỗi mẫu đại diện được chia làm 03 phần trong đó: 01 phần mẫu lưu khách hàng kèm theo biên bản bàn giao mẫu lưu BM-QT-15-07, 01 phần mẫu (còn nguyên niêm phong của đoàn đánh giá) chuyển cho Phòng thí nghiệm, 01 phần mẫu lưu Phòng Chứng nhận. Người lấy mẫu lập 02 biên bản lấy mẫu trong đó 01 lưu khách hàng và 01 lưu hồ sơ chứng nhận.

4.6.6 Xem xét tài liệu, hồ sơ và lấy mẫu thử nghiệm

Tài liệu, hồ sơ nhập khẩu có thể được xem xét trực tiếp tại khách hàng khi lấy mẫu hoặc do khách hàng nộp trực tiếp tại ECS bao gồm:

- Bản sao Hợp đồng mua bán
- Danh mục sản phẩm (nếu có)
- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu
- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng hoặc kết quả thử nghiệm)
- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có)
- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (nếu có)
- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).

Hoạt động lấy mẫu được thực hiện theo ECS-SP-13-01 Quy định riêng sản phẩm dệt may.

- Xử lý kết quả đánh giá hợp quy:

Kết quả đánh giá hợp quy được căn cứ vào 02 nội dung bao gồm: Các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu nêu trên và xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hoá qua kết quả thử nghiệm mẫu với quy định của quy chuẩn QCVN 01:2017/BCT.

- Kết luận về sự phù hợp:

Lô sản phẩm, hàng hoá được xem là phù hợp với quy định nếu hồ sơ, giấy tờ đầy đủ và mẫu thử nghiệm có kết quả phù hợp nằm trong giới hạn cho phép.

Lô sản phẩm, hàng hoá được xem là không phù hợp với quy định nếu mẫu thử nghiệm có kết quả không phù hợp vượt quá giới hạn cho phép. Trường hợp giấy tờ chưa đầy đủ khách hàng có thể bổ sung theo quy định.

- Việc thẩm tra hồ sơ chứng nhận hợp quy phù hợp tiêu chuẩn bao gồm:
 - Hồ sơ pháp lý của khách hàng;
 - Sự phù hợp giữa các chỉ tiêu thử nghiệm với QCVN 01:2017/BCT.

4.6.7 Chuyển mẫu phòng thử nghiệm

Mẫu sau khi lấy cần được chuyển ngay về Phòng Chứng nhận của ECS để chuyển mẫu đến Phòng thử nghiệm được lựa chọn. Phòng thử nghiệm được lựa chọn phải là phòng thí nghiệm sản phẩm dệt may đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo nghị định 107/2016/NĐ-CP;

Các mẫu sau khi được chuyển về Phòng Chứng nhận, nhân viên được phân công ngay lập tức chuyển mẫu và 01 biên bản bàn giao mẫu tới phòng thử nghiệm được lựa chọn để thử nghiệm;

Nhân viên Phòng Chứng nhận có trách nhiệm theo dõi tiến độ trả kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm và thông báo cho trưởng phòng hoặc người được uỷ quyền để đánh giá kết quả theo thử nghiệm BM-QT-15-10.

4.6.8 Kiến nghị chứng nhận

Phòng Chứng nhận thụ lý hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu (Hồ sơ đạt yêu cầu phải bao gồm đầy đủ các hồ sơ, tài liệu về lô hàng và kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu), Phòng Chứng nhận dự thảo chứng nhận trình Giám đốc hoặc Người được uỷ quyền xem xét quyết định.

Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu Phòng chứng nhận cần thông báo kết luận về sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hoá so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tới khách hàng.

4.6.9 Quyết định chứng nhận

Căn cứ trên kết quả thẩm tra đạt yêu cầu và kiến nghị cấp chứng nhận của Phòng Chứng nhận, Giám đốc hoặc Người được ủy quyền sẽ ra quyết định chứng nhận. Chứng chỉ chứng nhận chỉ có giá trị với lô hàng nhập khẩu, khách hàng không được quyền sử dụng dấu hiệu chứng nhận đối với các lô hàng khác.

5. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ	Mã HS	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Phiếu xem xét hợp đồng chứng nhận	<u>BM-QT-06-03</u>	P.CN	06 năm
2.	Quyết định thành lập đoàn đánh giá chứng nhận	<u>BM-QT-15-01</u>	P.CN	06 năm
3.	Kế hoạch đánh giá	<u>BM-QT-15-02</u>	P.CN	06 năm
4.	Danh sách tham dự cuộc họp	<u>BM-QT-15-03</u>	P.CN	06 năm
5.	Ghi chép đánh giá	<u>BM-QT-15-04</u>	P.CN	06 năm
6.	Báo cáo không phù hợp	<u>BM-QT-15-05</u>	P.CN	06 năm
7.	Chương trình đánh giá	<u>BM-QT-15-02</u>	P.CN	06 năm
8.	Biên bản lấy mẫu	<u>BM-QT-15-06</u>	P.CN	06 năm
9.	Biên bản giao mẫu lưu	<u>BM-QT-15-07</u>	P.CN	06 năm
10.	Biên bản giao mẫu	<u>BM-QT-15-08</u>	P.CN	06 năm
11.	Báo cáo đánh giá chứng nhận sản phẩm dệt may	<u>BM-QT-15-09</u>	P.CN	06 năm
12.	Báo cáo kết quả thử nghiệm	<u>BM-QT-15-10</u>	P.CN	06 năm
13.	Báo cáo thẩm tra kết quả đánh giá chứng nhận	<u>BM-QT-15-11</u>	P.CN	06 năm
14.	Quyết định chứng nhận	<u>BM-QT-15-12</u>	P.CN	06 năm
15.	Phiếu theo dõi xử lý hồ sơ chứng nhận sản phẩm	<u>BM-QT-15-13</u>	P.CN	06 năm
16.	Danh sách PTN được phê duyệt	<u>BM-QT-15-14</u>	P.CN	06 năm
17.	Auditlog	<u>BM-QT-15-15</u>	P.CN	06 năm
18.	Đăng ký chứng nhận sản phẩm	<u>BM-QT-15-16</u>	P.CN	06 năm
19.	Thông báo kết quả đánh giá giám sát	<u>BM-QT-15-17</u>		06 năm
20.	Quyết định cử cán bộ lấy mẫu và	<u>BM-QT-15-18</u>	P.CN	06 năm

	xem xét cảm quan sản phẩm			
21.	Checklist đánh giá hợp quy sản phẩm dệt may	<u>BM-QT-15-19</u>	P.CN	06 năm
22.	Hồ sơ lô hàng		P.CN	03 năm

6. SỰ BẢO MẬT

Các nhân viên liên quan đến hoạt động chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến khách hàng.

7. PHỤ LỤC